

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 66/2019/ HNGĐ-PT

Ngày: 18/04 /2019

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Với thành phần hội đồng xét xử:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Bùi Thị Thu Hồng**;

Các Thẩm phán : Bà **Nguyễn Thị Thanh Huyền**;
Ông **Nguyễn Vũ Đông**.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa : Bà **Đinh Thúy Hương** - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội: Bà **Hoàng Thị Hải** - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 04 năm 2019 Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm, công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 44/2019/TLPT- HN&GD ngày 07 tháng 03 năm 2019. Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 02/2019/HN&GD-ST ngày 17/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 68/2019/QĐPT- HN&GD ngày 22/03/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đào Thị T, sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện T, Thành phố Hà Nội

(Có mặt)

Bị đơn: Anh Hoàng Đức C, sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện T, Thành phố Hà Nội

(Có mặt)

Chị Đào Thị T và anh Hoàng Đức C kháng cáo

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm nội dung vụ án như sau: Ngày 14/10/2008, chị Đào Thị T và anh Hoàng Đức C đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, thành phố Hà Nội trên cơ sở tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, chị T và anh C sống cùng với bố mẹ anh C tại thôn B, xã T, huyện T, Hà Nội. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận và hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do việc làm ăn kinh tế khó khăn dẫn

đến việc vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Hai bên gia đình đã nhiều lần hòa giải để chị T và anh C đoàn tụ nhưng không thành. Chị T và anh C đã sống ly thân từ tháng 08 năm 2017 đến nay. Chị T thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ nên chị T làm đơn xin ly hôn anh C.

Về con chung: Chị Đào Thị T và anh Hoàng Đức C có 2 con chung là cháu Hoàng Quỳnh T, sinh ngày 27/05/2009 và cháu Hoàng Gia B, sinh ngày 22/12/2013. Khi ly hôn, chị T có nguyện vọng nuôi cả hai cháu, không yêu cầu anh C phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại, chị Đào Thị T là giáo viên tại trường tiểu học T. Tổng thu nhập là 7.000.000đ./tháng.

Về tài sản chung: Chị Đào Thị T không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn anh Hoàng Đức C trình bày: Về quan hệ hôn nhân và quá trình chung sống đúng như chị T trình bày. Anh C thừa nhận giữa anh và chị T thường xuyên phát sinh mâu thuẫn dẫn đến cãi nhau và xô sát. Anh C nhận thấy, anh và chị T bất đồng quan điểm sống, cuộc sống hôn nhân không tìm được tiếng nói chung, đã sống ly thân từ tháng 08 năm 2017 đến nay, anh C cũng không còn tình cảm vợ chồng với chị T nên đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh chị có hai con chung đúng như chị T trình bày. Khi ly hôn, anh C có nguyện vọng nuôi cháu Hoàng Gia B, không yêu cầu chị T phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện tại, anh Hoàng Đức C đang làm nhân viên kinh doanh tại Công ty cổ phần TDD Việt Nam, địa điểm làm việc tại số 32, lô A10- NV4 khu A khu đô thị L, xã A, huyện H, thành phố Hà Nội. Thu nhập 15.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung: Anh Hoàng Đức C không yêu cầu Tòa án giải quyết Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bản án sơ thẩm số 02/2019/HNGĐ-ST của Tòa án nhân dân huyện T, Hà Nội đã quyết định. Xử: Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Thị T được ly hôn anh Hoàng Đức C. Về con chung: Giao cháu Hoàng Quỳnh T, sinh ngày 27/05/2009 cho anh Hoàng Đức C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Hoàng Quỳnh T đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác. Tạm hoãn nghĩa vụ đóng góp phí tổn nuôi con chung sau ly hôn của chị Đào Thị T đối với cháu Hoàng Quỳnh T cho anh Hoàng Đức C cho đến khi có thay đổi khác. Giao cháu Hoàng Gia B, sinh ngày 22/12/2013 cho chị Đào Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Hoàng Gia B đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác. Tạm hoãn nghĩa vụ đóng góp phí tổn nuôi con chung sau khi ly hôn của anh Hoàng Đức C đối với cháu Hoàng Gia B cho chị Đào Thị T cho đến khi có thay đổi khác.

Quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn của chị Đào Thị T và anh Hoàng Đức C được pháp luật đảm bảo.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 28 tháng 01 năm 2019 anh Hoàng Đức C làm đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giao cháu Hoàng Gia B cho anh C trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Cùng ngày 28 tháng 01 năm 2018 chị Đào Thị T làm đơn kháng cáo đề nghị tòa án cấp phúc thẩm giải quyết giao cháu Hoàng Quỳnh T cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn chị T không rút đơn khởi kiện và không rút yêu cầu kháng cáo về phần nuôi con chung, đề nghị Tòa án giao cả hai con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng với lý do cháu T là con gái, có nguyện vọng ở với mẹ và cháu B bị tự kỷ cần phải có sự chăm sóc đặc biệt của thầy cô giáo và mẹ. Bị đơn anh C giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Tòa án giao cháu Hoàng Gia B cho anh trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng với lý do anh cũng đủ điều kiện để nuôi con, anh sẽ giành thời gian và công sức để chăm sóc cho cháu B. Còn cháu T là con gái, cháu cần và có nguyện vọng được ở với mẹ nên đề nghị Tòa án giao cháu cho mẹ cháu trực tiếp nuôi dưỡng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội kết luận tại phiên tòa: Về tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bên đương sự, sửa án sơ thẩm giao cháu T cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu B cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: đơn kháng cáo của anh Hoàng Đức C và chị Đào Thị T trong thời hạn kháng cáo và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm là hợp lệ.

[2]. Xét về yêu cầu kháng cáo của chị T và anh C. Chị T kháng cáo xin được nuôi cả hai con là được trực tiếp nuôi dưỡng cả cháu Hoàng Quỳnh T, còn anh C xin được trực tiếp nuôi cháu Hoàng Gia B.

Qua các tài liệu có trong hồ sơ, lời khai của các bên đương sự và tài liệu Tòa án thu thập chứng cứ tại địa phương cũng như tài liệu do các bên đương sự cung cấp thể hiện: Anh Hoàng Đức C và chị Đào Thị T có hai con chung là cháu Hoàng Quỳnh T, sinh ngày 27/05/2009 và cháu Hoàng Gia B sinh ngày 22/12/2013.

Về nguyện vọng được trực tiếp nuôi con là yêu cầu chính đáng của các đương sự. Song Hội đồng xét xử xét thấy, chị T anh C đều có điều kiện về chỗ ở và thu nhập để đảm bảo cho việc nuôi con

chung. Hiện nay chị T đang làm giáo viên tiểu học, có mức lương ổn định là 8.000.000 đồng/tháng, về nhà ở chị được bố mẹ để cho ở cùng. Cháu T là con gái rất cần sự chăm sóc cẩn thận của người mẹ, hơn nữa cháu có nguyện vọng được ở với mẹ. Còn đối với cháu B là con trai, theo như lời trình bày của các đương sự và tài liệu là bệnh án của cháu thể hiện: Cháu rất hiếu động và tự kỷ thể tăng động, cần sự chăm sóc cứng rắn của người cha và cần có sự hỗ trợ của giáo viên có chuyên môn và điều kiện kinh tế để chăm lo cho cháu. Việc giao cả hai con cho chị T theo nguyện vọng sẽ là rất khó khăn và nặng nhọc cho chị. Do vậy, xét đến nguyện vọng và các điều kiện để tốt nhất cho các cháu nhỏ nên cần sửa án sơ thẩm, giao cháu T cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giao cháu B cho anh C trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Do mỗi người nuôi một con nên không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về tài sản chung và công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[3] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của chị T và anh C được chấp nhận nên chị T, anh C không phải chịu án phí phúc thẩm.

Bởi các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 148; Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm cụ thể như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đào Thị T đối với anh Hoàng Đức C. Chị Đào Thị T được ly hôn anh Hoàng Đức C.

2. Về con chung: Xác định chị T, anh C có 02 con chung là cháu Hoàng Quỳnh T, sinh ngày 27/05/2009 và cháu Hoàng Gia B sinh ngày 22/12/2013. Giao cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Quỳnh T; Giao cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Gia B, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Chị T, anh C có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

4. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000(Ba trăm nghìn) đồng án phí LHST. Được trừ vào số tiền 300.000(Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí chị T đã nộp tại biên lai số: 0006994 ngày 19/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, thành phố Hà Nội. Chị T đã nộp đủ án phí.

Hoàn trả chị T số tiền 300.000(Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí phúc thẩm chị T đã nộp theo biên lai số: 0007121 ngày 28/01/2019 tại Chi cục Thi hành án huyện T, thành phố Hà Nội.

Hoàn trả anh C số tiền 300.000(Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí phúc thẩm anh C đã nộp theo biên lai số: 0007120 ngày 28/01/2019 tại Chi cục Thi hành án huyện T, thành phố Hà Nội.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 4 năm 2019.

Nơi gửi

- VKSND TP Hà Nội.
- Chi cục THADS huyện T, Hà Nội
- Các đương sự
- Lưu VP, HSVA

TM. Hội đồng xét xử phúc thẩm
Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Thu Hồng